TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2023/DS-ST
Ngày: 05 - 9 - 2023.
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Quốc Tiến**

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 05/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2023/QĐXXST-DS ngày 21/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 438/2023/QĐST-DS ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Tổ hợp tác B (Tổ hợp tác ô 1-2-4)**;

Địa chỉ: Ấp B - ấp B, xã Phương T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đại diện theo pháp luật là ông **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1949; Địa chỉ: ấp B, xã Phong M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T ủy quyền cho chị **Phan Thị Thảo Q**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số K, tổ B, ấp An Đ, xã An B, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 14/4/2023).

- *Bị đơn:* **Trần Thị L**, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp H, xã Phương T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Thảo Q có mặt; bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Tổ hợp tác B (Tổ hợp tác ô 1-2-4) ủy quyền cho chị Phan Thị Thảo Q trình bày: Tổ hợp tác B (Tổ hợp tác ô 1-2-4) phục vụ bơm tưới cho bà con nông dân để canh tác lúa nằm trong diện ô bao khu ấp B - ấp B, xã Phương T, huyện C, tỉnh

Đồng Tháp, trong đó có diện tích đất 15.600m^2 của bà Trần Thị L.

Bà Trần Thị L và Tổ hợp tác ô 1-2-4 có thỏa thuận bơm tưới cho phần đất của bà L với giá 25kg/vu/1.000m^2, mỗi vụ bà L phải trả là 15.600m^2 x 25kg/vụ/1.000m^2 = 390kg lúa; hai bên thống nhất một năm có 03 vụ lúa.

Từ năm 2018 đến năm 2020, bà Trần Thị L thanh toán đầy đủ tiền bơm tưới (thủy lợi phí) cho Tổ hợp tác như đã thỏa thuận. Nhưng từ năm 2021 đến nay, bà L không thực hiện trả tiền bơm nước cho Tổ hợp tác ô 1-2-4, tổng cộng là 07 vụ với số tiền là 16.848.000 đồng và Tổ hợp tác ô 1-2-4 đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền trên nhưng bà L không trả. Nay Tổ hợp tác ô 1-2-4 yêu cầu bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả số tiền thủy lợi phí còn nợ cho Tổ hợp tác ô 1-2-4 là 16.848.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, Tổ hợp tác ô 1-2-4 không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Đối với bị đơn là bà Trần Thị L đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

+ Hợp đồng về việc bơm nước tưới tiêu ô số 1,2,4 ấp 3,4 ngày 01/6/2018 (photo);

+ Đơn xin xác nhận ngày 14/4/2023 (bản chính);

+ Hợp đồng ủy quyền ngày 14/4/2023 (bản chính);

- Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác ô 1-2-4 về việc yêu cầu bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả số tiền thủy lợi phí (tiền bơm tưới) còn nợ là 16.848.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)"* theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới) giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; nơi thực hiện hợp đồng dịch vụ (bơm tưới) tại xã Phương T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu: Tại phiên tòa, các đương sự đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng: Bị đơn là bà Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác B(Tổ hợp tác ô 1-2-4) về việc yêu cầu bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả số tiền thủy lợi phí (tiền bơm tưới) còn nợ là 16.848.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Vào ngày 01/6/2018, bà Trần Thị L có ký hợp đồng về việc bơm nước tưới tiêu ô số 1, 2, 4 ấp 3, 4 với Tổ hợp tác ô 1-2-4; việc hai bên ký hợp đồng là tự nguyện, không ai bị ép buộc (lừa dối, đe dọa, cưỡng ép); mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Từ năm 2018 đến năm 2020, bà L đã T toán đầy đủ tiền thủy lợi phí, còn từ năm 2021 đến nay bà L không T toán tiền thủy lợi phí như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mặt khác, bà Trần Thị L đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về những yêu cầu của Tổ hợp tác ô 1-2-4 đối với bà Trần Thị L, nhưng bà L không có văn bản ý kiến hay phản đối gì đối với những yêu cầu của Tổ hợp tác ô 1-2-4. Do đó, có đủ căn cứ xác định bà Trần Thị L còn nợ tiền thủy lợi phí Tổ hợp tác ô 1-2-4 số tiền 16.848.000 đồng, nên việc Tổ hợp tác ô 1-2-4 yêu cầu bà L trả số tiền 16.848.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Tổ hợp tác ô 1-2-4 về việc yêu cầu bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả số tiền thủy lợi phí (tiền bơm tưới) còn nợ là 16.848.000 đồng, nên bà L phải chịu 842.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Tổ hợp tác B(Tổ hợp tác ô 1-2-4) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 421.000 đồng theo biên lai số 000850 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 513, 514, 515, 518, 519, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 26, 40, 147, 184, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác B(Tổ hợp tác ô 1-2-4).

- Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho Tổ hợp tác B(Tổ hợp tác ô 1-2-4) số tiền 16.848.000đồng (Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Bà Trần Thị L phải chịu 842.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Tổ hợp tác B(Tổ hợp tác ô 1-2-4) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 421.000 đồng theo biên lai số 000850 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh